CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 143/2021/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm m khoản 2 Điều 1 như sau:

"m) Vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;".

2. Bổ sung Điều 2a vào sau Điều 2 như sau:

"Điều 2a. Vi phạm hành chính nhiều lần

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ các hành vi vi phạm hành chính nhiều lần là tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 5; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 14a; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 23; các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 28a; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; khoản 1 Điều 34; Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 40; Điều 41; Điều 42; Điều 43; Điều 44; Điều 44a; Điều 45; Điều 45a; Điều 46; Điều 47; Điều 50; Điều 51 Nghị định này.".

3. Bổ sung Điều 2b vào sau Điều 2a như sau:

"Điều 2b. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm hành chính

Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này được quy định như sau:

1. Đối với hành vi vi phạm quy định về nhận tiền gửi, cấp tín dụng, nhận ủy thác và ủy thác, mua trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động liên ngân hàng tại điểm a khoản 2 Điều 12; điểm b khoản 3, điểm a, b, đ, g khoản 5, điểm b khoản 6, khoản 8 Điều 14; điểm a khoản 1 Điều 15; khoản 3, điểm a, d, đ khoản 4 Điều 16; khoản 5, khoản 6 Điều 17 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo thỏa thuận, hợp đồng liên quan đến hành vi vi phạm hành chính.

2. Đối với hành vi vi phạm quy định về công bố, niêm yết công khai thông tin, cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo tại khoản 1 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 13; điểm c khoản 1 Điều 14; điểm c khoản 4 Điều 17; điểm d khoản 2 Điều 21; điểm a, c khoản 3 Điều 23; điểm a khoản 3 Điều 24; điểm a khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a, b, d khoản 1, khoản 2, điểm a, b, c khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 47 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện công bố, niêm yết công khai, cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo, sửa đổi, bổ sung thông tin, tài liệu, báo cáo.

3. Đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký, thông báo, thực hiện thủ tục hành chính, gửi, ban hành quy định nội bộ, nội quy, phương án tại Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 8; khoản d, đ, e, g khoản 3 Điều 23; điểm a khoản 2 Điều 28; điểm a, b, c khoản 3 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 40 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện đăng ký, thông báo, thực hiện thủ tục hành chính, gửi, ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ, nội quy, phương án.

4. Đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn, phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tại Điều 35; điểm a, b, c khoản 1 Điều 36 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện đúng tỷ lệ bảo đảm an

toán, phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật.

5. Đối với hành vi vi phạm quy định về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản tại Điều 5 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.".

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 4 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm; buộc hoàn trả các loại phí đã thu sai cho tổ chức, cá nhân nộp phí; buộc hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho khách hàng; buộc thu hồi nợ; buộc thu hồi số vốn sử dụng không đúng quy định; buộc thu hồi phần số dư cấp tín dụng vượt mức hạn chế, giới hạn; buộc nộp lại giấy phép đã bị tẩy xóa, sửa chữa;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm m, n khoản 4 như sau:

"m) Không được ký hợp đồng thanh toán thẻ với các tổ chức thanh toán thẻ khác; không được ký hợp đồng đại lý thanh toán với các bên giao đại lý thanh toán khác;

n) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp: thu hồi giấy phép; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; thu hồi giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài; thu hồi giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ cá nhân; thu hồi giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng; thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;";

c) Bổ sung điểm p, q vào sau điểm o khoản 4 như sau:

"p) Buộc chấm dứt hoạt động đại lý thanh toán; buộc tách biệt tài khoản thanh toán chỉ sử dụng cho hoạt động đại lý thanh toán;

q) Buộc thực hiện các quy định về nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; buộc ban hành quy định nội bộ đúng quy định pháp luật; buộc thực hiện đúng quy định pháp luật về quan hệ ngân hàng đại lý, các giao dịch liên quan tới công nghệ mới, giám sát đặc biệt một số giao dịch, đánh giá rủi ro.".

5. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau:

"Điều 3a. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả

Việc thi hành một số biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng như sau:

1. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả là đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp: thu hồi giấy phép; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ; thu hồi giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài; thu hồi giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ cá nhân; thu hồi giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng; thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng; thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả này.

2. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả là đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp: đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả này.

3. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa: căn cứ quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép.".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 8 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hoạt động không có giấy phép trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 8 Điều 23, khoản 8 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị định này;

b) Vi phạm quy định về sử dụng thuật ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định tại Điều 5 Luật Các tổ chức tín dụng.";

b) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 8 như sau:

"d) Buộc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.".

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước; thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của tổ chức tín dụng; khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước, phòng giao dịch bưu điện.";

b) Bổ sung điểm c, d, đ vào sau điểm b khoản 5 như sau:

"c) Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của tổ chức tín dụng;

d) Tự nguyện chấm dứt hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tín dụng;

đ) Thực hiện nội dung hoạt động, hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.";

c) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 6 như sau:

"đ) Cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

"3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác không đúng điều kiện và vượt giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Góp vốn, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của tổ chức tín dụng không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng.".

9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14 như sau:

a) Bổ sung các điểm d, đ, e, g vào sau điểm c khoản 1 như sau:

"d) Hành vi tiếp nhận và xử lý khiếu nại của khách hàng không đúng quy định của pháp luật về cho vay tiêu dùng của công ty tài chính;

đ) Không tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên theo quy định của pháp luật về cho vay tiêu dùng của công ty tài chính;

e) Vi phạm quy định về mức cho vay tiêu dùng tối đa theo quy định của pháp luật về cho vay tiêu dùng của công ty tài chính;

g) Không ban hành khung lãi suất cho vay tiêu dùng trong từng thời kỳ hoặc ban hành khung lãi suất cho vay tiêu dùng không đầy đủ các nội dung theo quy định pháp luật về cho vay tiêu dùng của công ty tài chính.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy định của pháp luật;

b) Vi phạm quy định về biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về cho vay tiêu dùng của công ty tài chính.";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Miễn, giảm lãi suất cấp tín dụng khi chưa ban hành quy định nội bộ;".

10. Bổ sung Điều 14a vào sau Điều 14 như sau:

"**Điều 14a. Vi phạm quy định về điểm giới thiệu dịch vụ**

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

1. Không ký kết hợp đồng về việc mở điểm giới thiệu dịch vụ.

2. Hợp đồng về việc mở điểm giới thiệu dịch vụ không quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên liên quan và thời hạn hiệu lực hợp đồng.

3. Thực hiện các hoạt động tại điểm giới thiệu dịch vụ ngoài phạm vi được phép theo quy định của pháp luật.".

11. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 4 Điều 16 như sau:

"đ) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu chuyển đổi.".

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 17 như sau:

a) Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 như sau:

"d) Thực hiện giao dịch mua, bán giấy tờ có giá bằng đồng tiền không phù hợp với quy định của pháp luật.";

b) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 2 như sau:

"đ) Mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thời hạn còn lại không đúng quy định của pháp luật.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm như sau:

a) Mua, bán có kỳ hạn các loại giấy tờ có giá không được phép mua, bán;

b) Mua, bán giấy tờ có giá của công ty tài chính hoặc công ty cho thuê tài chính phát hành không đúng quy định pháp luật.".

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 4 như sau:

"g) Thực hiện việc rút vốn, trả nợ đối với các khoản vay nước ngoài; giải ngân, thu hồi nợ đối với các khoản cho vay ra nước ngoài; thực hiện thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú; thực hiện chuyển tiền phục vụ hoạt động đầu

tư nước ngoài vào Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài không đúng quy định của pháp luật, trừ trường hợp hành vi vi phạm này là hậu quả của hành vi vi phạm tại điểm d khoản 4 Điều này;";

b) Bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 5 như sau:

"i) Không thực hiện đúng trách nhiệm của đại lý đổi ngoại tệ theo quy định của pháp luật trong trường hợp tái phạm; làm đại lý đổi ngoại tệ đồng thời cho hai tổ chức tín dụng trở lên không đúng quy định của pháp luật trong trường hợp tái phạm.";

c) Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 6 như sau:

"c) Mở, đóng, sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài không đúng quy định của pháp luật trong trường hợp tái phạm.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

"10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ, giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài, giấy phép thành lập bàn đổi ngoại tệ cá nhân đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 5, điểm c khoản 6 Điều này.".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 10 Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng vàng nguyên liệu nhập khẩu không đúng theo giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ;

b) Thực hiện kinh doanh mua, bán vàng miếng thông qua các đại lý ủy nhiệm trong trường hợp tái phạm.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

"10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.".

15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Cung cấp không trung thực thông tin có liên quan đến việc sử dụng dịch vụ thanh toán.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Cung cấp không trung thực thông tin có liên quan đến việc cung ứng dịch vụ thanh toán;";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn tài khoản thanh toán, mua, bán thông tin tài khoản thanh toán với số lượng từ 01 tài khoản thanh toán đến dưới 10 tài khoản thanh toán mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Làm giả chứng từ thanh toán khi cung ứng, sử dụng dịch vụ thanh toán mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng, cho phép khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán không đúng quy định của pháp luật trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán;

b) Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn tài khoản thanh toán, mua, bán thông tin tài khoản thanh toán với số lượng từ 10 tài khoản thanh toán trở lên mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Làm giả phương tiện thanh toán, lưu giữ, lưu hành, chuyển nhượng, sử dụng phương tiện thanh toán giả mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Phát hành, cung ứng, sử dụng các phương tiện thanh toán không hợp pháp mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Hoạt động không đúng nội dung chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.";

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xâm nhập hoặc tìm cách xâm nhập, đánh cắp dữ liệu, phá hoại, làm thay đổi trái phép chương trình phần mềm, dữ liệu điện tử sử dụng trong thanh toán; lợi dụng lỗi hệ thống mạng máy tính để trục lợi mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Mở hoặc duy trì tài khoản thanh toán nặc danh, mạo danh;

c) Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng tài khoản thanh toán, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác;

d) Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin tài khoản thanh toán mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.";

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

"8. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm quy định thanh toán bằng tiền mặt;

b) Thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán mà không phải là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.";

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

"10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này;

b) Không cho mở rộng phạm vi, quy mô và địa bàn hoạt động trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, c, d khoản 6, điểm c khoản 7 và điểm a khoản 8 Điều này;

c) Đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đối với hành vi vi phạm tại điểm đ khoản 6 Điều này.".

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Cung cấp không trung thực thông tin có liên quan đến việc cung ứng hoặc sử dụng dịch vụ trung gian thanh toán;";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cấp tín dụng cho khách hàng sử dụng ví điện tử, trả lãi trên số dư ví điện tử hoặc bất kỳ hành động nào có thể làm gia tăng giá trị tiền tệ trên ví điện tử so với giá trị tiền khách hàng nạp vào ví điện tử;

b) Vi phạm quy định về thực hiện việc nạp tiền vào ví điện tử, rút tiền ra khỏi ví điện tử.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tiết lộ, cung cấp thông tin khách hàng, thông tin về số dư ví điện tử và các giao dịch thanh toán của khách hàng tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không đúng quy định của pháp luật;

b) Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn ví điện tử hoặc mua, bán thông tin ví điện tử từ 01 ví điện tử đến dưới 10 ví điện tử;

c) Vi phạm quy định về tài khoản đảm bảo thanh toán.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Gian lận các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Tẩy xóa, thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; ủy thác, giao đại lý cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động được phép theo giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

c) Hoạt động không đúng nội dung quy định trong giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

d) Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn ví điện tử hoặc mua, bán thông tin ví điện tử từ 10 ví điện tử trở lên;

đ) Làm giả chứng từ khi cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng dịch vụ trung gian thanh toán để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác;

g) Vi phạm quy định về hạn mức giao dịch qua ví điện tử;

h) Báo cáo không trung thực số dư, số lượng ví điện tử theo quy định của pháp luật;

i) Mở hoặc duy trì ví điện tử nặc danh, mạo danh;

k) Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin ví điện tử;

l) Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện cung ứng dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ cổng thanh toán điện tử khi chưa có thỏa thuận hợp tác, hợp đồng cung ứng dịch vụ với ngân hàng, các tổ chức khác phù hợp với nội dung Giấy phép và quy định của pháp luật;

m) Không yêu cầu khách hàng hoàn thành việc liên kết ví điện tử với tài khoản thanh toán hoặc thẻ ghi nợ của khách hàng mở tại ngân hàng liên kết trước khi khách hàng sử dụng ví điện tử.";

đ) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

"4a. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không trung thực số dư, số lượng ví điện tử theo quy định của pháp luật trong trường hợp tái phạm.";

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.";

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, điểm b, c khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này;

b) Đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đối với hành vi vi phạm tại các điểm a, b, c, e khoản 4; khoản 4a Điều này;

c) Buộc nộp lại giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.".

17. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 như sau:

"d) Lập hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ không đúng theo quy định pháp luật.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thuê, cho thuê, mua, bán thẻ hoặc thông tin thẻ, mở hộ thẻ (trừ trường hợp thẻ trả trước vô danh) với số lượng từ 10 thẻ trở lên mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Phát hành thẻ, thanh toán thẻ không đúng quy định của pháp luật;

c) Không từ chối thanh toán thẻ trong các trường hợp sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định của pháp luật, thẻ đã được chủ thẻ thông báo bị mất, thẻ hết hạn sử dụng, thẻ bị khóa, sử dụng thẻ không đúng phạm vi đã thỏa thuận tại hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản về phát hành và sử dụng thẻ.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

"7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện việc sử dụng thẻ trả trước vô danh trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động hoặc rút tiền mặt;

b) Chuyển mạch thẻ, bù trừ giao dịch thẻ, quyết toán giao dịch thẻ không đúng theo quy định pháp luật về hoạt động thẻ ngân hàng;

c) Chuyển thiết bị chấp nhận thẻ, QR Code cho bên khác sử dụng; chấp nhận thanh toán thẻ mà không có hợp đồng thanh toán thẻ; sử dụng trái phép các thiết bị chấp nhận thẻ, QR Code;

d) Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán khống tại đơn vị chấp nhận thẻ (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ);

đ) Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

"9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 5; điểm a, c khoản 6 và khoản 7 Điều này;

b) Không được ký hợp đồng thanh toán thẻ với các tổ chức thanh toán thẻ khác trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5, điểm a, c, d khoản 7 Điều này.".

18. Bổ sung Điều 28a vào sau Điều 28 như sau:

"Điều 28a. Vi phạm quy định về hoạt động đại lý thanh toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cung cấp không trung thực thông tin có liên quan đến việc cung ứng hoặc sử dụng hoạt động đại lý thanh toán;

b) Tiếp nhận, xử lý tra soát, khiếu nại của khách hàng không đúng quy định của pháp luật;

c) Thu các loại phí ngoài biểu phí do bên giao đại lý quy định và công bố;

d) Không tách biệt tài khoản thanh toán chỉ sử dụng cho hoạt động đại lý thanh toán theo quy định của pháp luật;

đ) Không công bố công khai danh sách các bên đại lý thanh toán đã ký kết hợp đồng trên trang thông tin điện tử và ứng dụng của bên giao đại lý.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lợi dụng việc làm đại lý thanh toán để thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hành vi giao dịch gian lận, giả mạo, chiếm đoạt tiền của khách hàng, hành vi giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các hành vi vi phạm pháp luật khác;

b) Thực hiện các nghiệp vụ đại lý thanh toán không được bên giao đại lý ký kết trong hợp đồng đại lý thanh toán giữa bên giao đại lý và bên đại lý thanh toán.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện hoạt động giao đại lý, làm đại lý thanh toán không phù hợp với nội dung ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định quy định về tổ chức và hoạt động của cấp có thẩm quyền quyết định và văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có);

b) Bên giao đại lý vi phạm quy định về số lượng điểm đại lý thanh toán, hạn mức giao dịch đối với một điểm đại lý thanh toán;

c) Bên đại lý thanh toán là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao đại lý lại cho bên thứ ba;

d) Thực hiện hoạt động đại lý thanh toán khi chưa ký kết hợp đồng về hoạt động đại lý thanh toán với bên giao đại lý thanh toán;

đ) Bên giao đại lý ký hợp đồng hoạt động đại lý thanh toán với bên đại lý thanh toán không phải là doanh nghiệp thành lập hợp pháp và có dư nợ bị tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân loại vào nhóm nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

e) Giả mạo, mạo danh bên đại lý thanh toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp vào ngân sách nhà nước số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Buộc chấm dứt hoạt động đại lý thanh toán đối với các chủ thể vi phạm hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

c) Buộc tách biệt tài khoản thanh toán chỉ sử dụng cho hoạt động đại lý thanh toán đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

d) Không được ký hợp đồng đại lý thanh toán với các bên giao đại lý thanh toán khác trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều này;

đ) Buộc hoàn trả các loại phí đã thu sai cho tổ chức, cá nhân nộp phí, trường hợp không xác định được đối tượng được hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

e) Buộc hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho khách hàng đối với hành vi được thực hiện nhằm chiếm đoạt tiền của khách hàng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.".

19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Không niêm yết công khai tại nơi giao dịch mẫu tiêu biểu và quy định thu, đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông của Ngân hàng Nhà nước;";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý; đóng gói, niêm phong, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, kiểm kê tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 và các điểm b, c, d, đ khoản 5 Điều này.";

c) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 3 như sau:

"đ) Từ chối đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông cho khách hàng không đúng quy định của pháp luật.".

20. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 31 như sau:

"c) Bố trí người làm công tác thu giữ tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả chưa qua tập huấn về kỹ năng nhận biết tiền thật, tiền giả hoặc chưa qua bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tiền;".

21. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 12 Chương II như sau:

"Mục 12. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN; PHÒNG, CHỐNG TÀI TRỢ KHỦNG BỐ; PHÒNG, CHỐNG TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT".

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

"Điều 39. Vi phạm quy định về nhận biết, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hành vi không nhận biết khách hàng; không cập nhật; không xác minh thông tin nhận biết khách hàng hoặc nhận biết khách hàng; cập nhật; xác minh thông tin nhận biết khách hàng không đúng quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố;

b) Hành vi không cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân có liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; tổ chức, cá nhân bị chỉ định tham gia vào việc phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu báo cáo quy định tại Điều 29 Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các quy định về nhận biết; cập nhật; xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân

chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.".

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

"Điều 40. Vi phạm quy định về quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không ban hành quy định nội bộ hoặc ban hành quy định nội bộ không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Không phân công hoặc không đăng ký phân công hoặc phân công cán bộ, bộ phận chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố không đúng quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện kiểm toán nội bộ hoặc thực hiện kiểm toán nội bộ không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố;

d) Không đào tạo, bồi dưỡng hoặc đào tạo, bồi dưỡng về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố không đúng quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc ban hành quy định nội bộ đúng quy định pháp luật hoặc hủy bỏ ngay quy định nội bộ có nội dung không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.".

24. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

"Điều 41. Vi phạm quy định về phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro

Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro hoặc phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro không đúng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố và pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.".

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

"Điều 42. Vi phạm quy định về việc xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị

Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có hệ thống quản lý rủi ro để xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 13 Luật Phòng, chống rửa tiền.".

26. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

"Điều 43. Vi phạm quy định về quan hệ ngân hàng đại lý, giao dịch liên quan tới công nghệ mới, giám sát đặc biệt giao dịch

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 14 Luật Phòng, chống rửa tiền khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý với ngân hàng đối tác nước ngoài;

b) Không ban hành quy trình theo quy định tại Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không giám sát đặc biệt đối với một số giao dịch theo quy định tại Điều 16 Luật Phòng, chống rửa tiền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp quy định tại Điều 14 Luật Phòng, chống rửa tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc ban hành quy trình theo quy định tại Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Buộc giám sát đặc biệt đối với một số giao dịch theo quy định tại Điều 16 Luật Phòng, chống rửa tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân

vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.".

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

"Điều 44. Vi phạm quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, giao dịch chuyển tiền điện tử, báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố, báo cáo hành vi tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Phạt tiền 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo các giao dịch có giá trị lớn;

b) Không báo cáo các giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Không báo cáo các giao dịch chuyển tiền điện tử;

d) Không báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố quy định tại Điều 30 Luật Phòng, chống rửa tiền, không báo cáo khi có nghi ngờ khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc khách hàng nằm trong danh sách đen, danh sách bị chỉ định theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố, pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc phải gửi lại báo cáo đầy đủ, chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.".

28. Bổ sung Điều 44a vào sau Điều 44 như sau:

"Điều 44a. Vi phạm quy định về cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin, cung cấp thông tin sai lệch hoặc thông tin không đúng quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, pháp luật về phòng, chống tài trợ khủng bố, pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện ngay việc đính chính thông tin sai lệch đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.".

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

"Điều 45. Vi phạm quy định về trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản; niêm phong hoặc tạm giữ tài sản

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo việc trì hoãn giao dịch khi các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Không báo cáo việc thực hiện phong tỏa tài khoản, niêm phong, tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống rửa tiền;

c) Không báo cáo ngay khi thực hiện việc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa tiền, tài sản liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch khi các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Phòng, chống rửa tiền;

b) Không phong tỏa tài khoản, không áp dụng biện pháp niêm phong hoặc tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống rửa tiền;

c) Không thực hiện ngay việc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải gửi lại báo cáo đầy đủ, chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.".

30. Bổ sung Điều 45a vào sau Điều 45 như sau:

"Điều 45a. Vi phạm quy định về đánh giá rủi ro

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đánh giá, không cập nhật kết quả đánh giá rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

b) Không ban hành, không cập nhật các chính sách, quy trình quản lý rủi ro được phát hiện từ báo cáo đánh giá rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

c) Không gửi, không phổ biến, không công khai kết quả đánh giá hoặc cập nhật rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện quy định về đánh giá rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.".

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau:

"Điều 46. Vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả;

b) Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tổ chức hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Thiết lập và duy trì quan hệ kinh doanh với ngân hàng được thành lập tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhưng không có sự hiện diện hữu hình tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó và không chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền;

c) Không tố giác hành vi tài trợ khủng bố mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Lợi dụng việc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ, xử lý tiền, tài sản liên quan đến tài trợ khủng bố để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

đ) Trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp tiền, tài sản, nguồn tài chính, nguồn lực kinh tế, dịch vụ tài chính hoặc dịch vụ khác cho tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Đề nghị hoặc yêu cầu cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng biện pháp đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức danh quản trị, điều hành, kiểm soát; không cho đảm nhiệm chức vụ quản trị, điều hành, kiểm soát tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với cá nhân vi phạm và/hoặc cá nhân chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều này.

Yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cách chức và thực hiện các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.".

32. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4, điểm b khoản 7 Điều 47 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Báo cáo không trung thực, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 27 Nghị định này;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:

"b) Không cho mở rộng phạm vi, quy mô, địa bàn hoạt động và bổ sung nghiệp vụ kinh doanh mới trong thời gian chưa khắc phục xong vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b, d khoản 1; khoản 2 và khoản 5 Điều này;".

33. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 48 như sau:

"a) Cung cấp thông tin, tài liệu thiếu trung thực;".

34. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và một số điểm của khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 53 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều như sau:

"Điều 53. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

"c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

"c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng;";

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

"c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 500.000.000 đồng;".

35. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

"Điều 54. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này.".

36. Bổ sung Điều 54a vào sau Điều 54 như sau:

"Điều 54a. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

1. Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm a, e, g k, n, p khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm a, e, g k, n, p khoản 4 Điều 3 Nghị định này.".

37. Bổ sung Điều 54b vào sau Điều 54a như sau:

"Điều 54b. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng.

5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 200.000.000 đồng.

6. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.".

38. Bổ sung Điều 54c vào sau Điều 54b như sau:

"Điều 54c. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng trạm Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.".

39. Bổ sung Điều 54d vào sau Điều 54c như sau:

"Điều 54d. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng.

3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Tổng Cục trưởng Tổng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.".

40. Bổ sung Điều 54đ vào sau Điều 54d như sau:

"Điều 54đ. Thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành du lịch

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Chánh Thanh tra Sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Sở có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 500.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra cấp Bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 4 Điều 3 Nghị định này.".

41. Bổ sung Điều 54e vào sau Điều 54đ như sau:

"Điều 54e. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng.".

42. Bổ sung Điều 54g vào sau Điều 54e như sau:

"Điều 54g. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có quyền:

1. Phạt cảnh cáo.

2. Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng.

3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm n khoản 4 Điều 3 Nghị định này.".

43. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

"Điều 55. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Quản lý thị trường

Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, các điểm a, b, h, i, k, l khoản 3, các điểm n, o khoản 4, các điểm e, g, h khoản 5, điểm c khoản 8 Điều 23; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 6, khoản 7, các điểm a, c khoản 8 Điều 24 Nghị định này.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng

Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Bộ đội biên phòng xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, các điểm h, i, k khoản 3, điểm h khoản 4, các điểm e, g, h khoản 5 Điều 23; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 24; điểm c khoản 4 Điều 47; khoản 3 Điều 48, điểm a khoản 5 Điều 48 Nghị định này.

4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển

Người có thẩm quyền xử phạt của lực lượng Cảnh sát biển xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, các điểm h, i, k khoản 3, điểm h khoản 4, các điểm e, g, h khoản 5, điểm b khoản 8 Điều 23; khoản 1, khoản 2, các điểm a, b khoản 4, điểm c khoản 5, điểm a khoản 6, các điểm a, b khoản 8 Điều 24 Nghị định này.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nhân dân xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 4; khoản 1, khoản 2, các điểm a, b, c, h, i, k, l khoản 3, các điểm h, n, o khoản 4, các điểm c, e, g, h khoản 5, điểm c khoản 8 Điều 23; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, các điểm a, c khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 24; điểm b khoản 2, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 1, các điểm a, b khoản 3, các điểm a, b, c, d, đ, e, i, k khoản 4, khoản 5 Điều 27; các điểm c, d khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1, các điểm a khoản 2, điểm e khoản 3 Điều 28a; điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 30; Điều 31; khoản 2 Điều 39; Điều 44; Điều 45; Điều 46; điểm c khoản 4 Điều 47; Điều 48; điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 52 Nghị định này.

6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành du lịch

Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành du lịch xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2,

các điểm a, b, c, h, i, k, l khoản 3, điểm b, n, o khoản 4, các điểm e, g, h khoản 5 Điều 23 Nghị định này.

7. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 8 Điều 23, điểm c khoản 5, điểm b khoản 8 Điều 24 Nghị định này.

8. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia

Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2, các điểm h, i, k khoản 3, các điểm e, g, h khoản 5 Điều 23; khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

9. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng

Người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.".

44. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 56 như sau:

"1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 54a, Điều 54b, Điều 54c, Điều 54d, Điều 54đ, Điều 54e, Điều 54g Nghị định này.

2. Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trong các cơ quan được quy định tại Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản.".

Điều 2. Bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

1. Bãi bỏ cụm từ "tịch thu giấy phép đã bị tẩy xóa, sửa chữa" tại điểm c khoản 2 Điều 3.

2. Bãi bỏ khoản 7 Điều 4; khoản 1 Điều 5.

3. Bãi bỏ từ "giả mạo" tại điểm a khoản 4 Điều 4; khoản 2 Điều 18.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Đối với hành vi vi phạm xảy ra và đã kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc đang xem xét ra quyết định xử phạt khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn;

b) Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng để giải quyết.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái